# NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT CẠNH TRANH NĂM 2018 (Phần 2)

*Trần Võ Như Ý- Khoa Luật Trường Đại học Duy Tân*

# CHƯƠNG 2. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT CẠNH TRANH NĂM 2018

# 2.1 Bố cục của Luật cạnh tranh năm 2018

Luật cạnh tranh bao gồm 121 điều, được bố cục thành 10 chương, cụ thể:

Chương I. Những quy định chung (Điều 1 đến Điều 8) quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; áp dụng pháp luật về cạnh tranh; quyền và nguyên tắc cạnh tranh trong kinh doanh; chính sách của Nhà nước về cạnh tranh; trách nhiệm quản lý nhà nước về cạnh tranh và các hành vi bị nghiêm cấm có liên quan tới cạnh tranh.

Chương II. Thị trường liên quan và thị phần (Điều 9 đến Điều 10) quy định về xác định thị trường liên quan; xác định thị phần và thị phần kết hợp.

Chương III. Thoả thuận hạn chế cạnh tranh (Điều 11 đến Điều 23) quy định về thoả thuận hạn chế cạnh tranh; thoả thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm; đánh giá tác động hoặc khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể của thỏa thuận hạn chế cạnh tranh; miễn trừ đối với thoả thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm và trình tự, thủ tục thực hiện các trường hợp miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm.

Chương IV. Lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền (Điều 24 đến Điều 28) quy định doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường; doanh nghiệp có vị trí độc quyền; xác định sức mạnh thị trường đáng kể; hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền bị cấm; kiểm soát doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực độc quyền nhà nước.

Chương V. Tập trung kinh tế (Điều 29 đến Điều 44) quy định về các hình thức tập trung kinh tế, tập trung kinh tế bị cấm và kiểm soát tập trung kinh tế thông qua cơ chế thông báo tập trung kinh tế và thẩm định tập trung kinh tế; các hành vi vi phạm quy định về tập trung kinh tế.

Chương VI. Hành vi cạnh tranh không lành mạnh (Điều 45) quy định về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị cấm.

Chương VII. Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia (Điều 46 đến Điều 53) quy định về Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia; Chủ tịch và Thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia; Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh; Thủ trưởng Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh; Điều tra viên vụ việc cạnh tranh.

Chương VIII. Tố tụng cạnh tranh (Điều 54 đến Điều 109) gồm 07 mục quy định về: Quy định chung; cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh, người tiến hành tố tụng cạnh tranh; người tham gia tố tụng cạnh tranh; trình tự, thủ tục điều tra và xử lý vụ việc cạnh tranh; giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; công bố các quyết định của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia; hợp tác quốc tế trong quá trình tố tụng cạnh tranh.

Chương IX. Xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh (Điều 110 đến Điều 115) quy định về nguyên tắc xử lý vi phạm, hình thức xử lý vi phạm và biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm pháp luật về cạnh tranh; phạt tiền đối với hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh; chính sách khoan hồng; thẩm quyền và hình thức xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh; thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; thi hành quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

Chương IX. Điều khoản thi hành (Điều 116 đến Điều 118) quy định về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định trong một số luật khác; hiệu lực thi hành; và điều khoản chuyển tiếp.

# 2.2 Những điểm mới của luật canh tranh năm 2018

## **2.2.1 Mở rộng phạm vi điều chỉnh**

Thực tiễn thực thi pháp luật cạnh tranh tại Việt Nam cho thấy, trong thời gian gần đây đã xuất hiện một số vụ việc cạnh tranh được thực hiện ở nước ngoài, nhưng có ảnh hưởng nhất định đến thị trường Việt Nam, chẳng hạn, thoả thuận ấn định phí và phụ phí vận chuyển tàu biển giữa các hãng tàu lớn của nước ngoài có ảnh hưởng đến các doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam, hay thương vụ mua bán, sáp nhập có giá trị giao dịch lớn được thực hiện bên ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có tác động tới thị trường Việt Nam như thương vụ Tập đoàn Abbott mua lại Công ty dược phẩm CFR; Tập đoàn Boehringer Ingelheim International mua lại Sanofi SA trong lĩnh vực thuốc thú y; Tập đoàn Central Group (Thái Lan) mua lại Hệ thống siêu thị Big C Việt Nam… Luật năm 2004 chỉ quy định điều chỉnh đối với “hành vi hạn chế cạnh tranh, hành vi cạnh tranh không lành mạnh…” và áp dụng đối với “tổ chức, cá nhân kinh doanh…bao gồm cả…doanh nghiệp nước ngoài hoạt động ở Việt Nam”, nên không có cơ sở pháp lý rõ ràng để điều chỉnh các hành vi diễn ra bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, nhưng có ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường cạnh tranh tại Việt Nam.

Tại một số nước trên thế giới như Hoa Kỳ, Canada, Úc, New Zealand, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore… các cơ quan cạnh tranh gần đây đã điều tra, xử lý nhiều vụ việc thoả thuận hạn chế cạnh tranh, tập trung kinh tế xuyên biên giới. Điển hình như vụ thoả thuận ấn định giá, phí vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không giữa hơn hai mươi hãng hàng không lớn trên thế giới hay hai vụ mua bán, sáp nhập giữa các công ty sản xuất ổ cứng nổi tiếng (giữa Western Digital và Hitachi, giữa Samsung và Seagate)…

Vì vậy, để bảo vệ môi trường cạnh tranh tại Việt Nam, Luật Cạnh tranh đã mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với hành vi hạn chế cạnh tranh, tập trung kinh tế gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh trên thị trường Việt Nam. Cụ thể, Điều 1, Luật Cạnh tranh quy định: *“Luật này quy định về hành vi hạn chế cạnh tranh, tập trung kinh tế gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh đến thị trường Việt Nam; hành vi cạnh tranh không lành mạnh; tố tụng cạnh tranh; xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh; quản lý nhà nước về cạnh tranh*”.

Việc mở rộng phạm vi điều chỉnh nhằm mục tiêu:

Thứ nhất, tạo hành lang pháp lý để điều tra và xử lý toàn diện mọi hành vi cạnh tranh dù xảy ra tại đâu nhưng có tác động hoặc có khả năng gây tác động tiêu cực đối với thị trường Việt Nam. Việc xử lý kịp thời các hành vi xuyên biên giới góp phần tạo sự ổn định cho nền kinh tế nội địa thông qua việc ổn định các yếu tố thị trường như yếu tố đầu vào, yếu tố đầu ra của nền kinh tế. Điều này đặc biệt quan trọng đối với thị trường các lĩnh vực thiết yếu, lĩnh vực chủ chốt hoặc lĩnh vực phục vụ dân sinh của nền kinh tế.

Thứ hai, việc mở rộng phạm vi điều chỉnh tạo cơ sở pháp lý cho cơ quan cạnh tranh Việt Nam hợp tác với cơ quan cạnh tranh của các nước khác trong quá trình điều tra, xử lý các vụ việc cạnh tranh, tạo điều kiện thực thi các cam kết về cạnh tranh trong các Hiệp định thương mại song phương và đa phương. Việc duy trì và đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh là tôn chỉ của “Chương cạnh tranh” trong hầu hết các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

## **2.2.2 Mở rộng đối tượng áp dụng**

Cạnh tranh là quy luật tất yếu của kinh tế thị trường, là động lực phát triển nền kinh tế. Trong cơ chế thị trường, các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật (Khoản 2 Điều 51 Hiến pháp 2013). Luật và chính sách cạnh tranh có vai trò tạo lập nền tảng cơ bản cho quá trình cạnh tranh và điều tiết hoạt động cạnh tranh trong mọi ngành, lĩnh vực. Do đó, Luật Cạnh tranh cần được áp dụng với mọi đối tượng liên quan tới cạnh tranh trên thị trường.

Điều 2 Luật năm 2004 quy định: “Luật này áp dụng đối với: 1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh…; 2. Hiệp hội ngành nghề hoạt động tại Việt Nam”. Quy định như vậy chưa bao quát hết các đối tượng, đặc biệt là các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các hành vi cạnh tranh bị điều chỉnh mà không phải là tổ chức, cá nhân kinh doanh hay hiệp hội ngành nghề.

Trong khi đó, trên thực tế đã xảy ra nhiều trường hợp, cơ quan quản lý nhà nước ở một số địa phương đã ban hành các văn bản có tác động hạn chế cạnh tranh, chẳng hạn như yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tỉnh sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp được chỉ định hoặc phân biệt đối xử, tạo lợi thế cạnh tranh cho một số doanh nghiệp so với các doanh nghiệp khác.

Luật Cạnh tranh đã mở rộng đối tượng áp dụng gồm mọi đối tượng là tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan tới hoạt động cạnh tranh trên thị trường, cụ thể là:

“1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) bao gồm cả doanh nghiệp sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, doanh nghiệp hoạt động trong các ngành, lĩnh vực thuộc độc quyền nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

2. Hiệp hội ngành, nghề hoạt động tại Việt Nam.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan.”

Việc mở rộng đối tượng áp dụng của Luật cạnh tranh đối với mọi đối tượng liên quan đến cạnh tranh trên thị trường nhằm bao quát mọi chủ thể có thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh, sẽ đem lại một số tác động tích cực sau:

Thứ nhất, phù hợp với đặc thù của nền kinh tế Việt Nam (xuất phát từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, các cơ quan quản lý nhà nước vẫn thường ban hành các quyết định hành chính can thiệp trực tiếp vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, có thể gây tổn hại tới cạnh tranh trên thị trường), giảm thiểu việc tạo ra lợi thế cạnh tranh cho một hoặc một nhóm các doanh nghiệp nào đó đến mức gây bất bình đẳng trong cạnh tranh.

Thứ hai, việc mở rộng đối tượng áp dụng của pháp luật cạnh tranh là một chính sách phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế chung của một Chính phủ kiến tạo, liêm chính, khuyến khích sáng tạo và khởi nghiệp để thúc đẩy cạnh tranh, tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng, không phân biệt đối xử.

Thứ ba, đảm bảo sự phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật xử lý vi phạm hành chính… tăng tính hiệu quả và đồng bộ của việc thực thi pháp luật cạnh tranh.

## **2.2.3 Sửa đổi và bổ sung hành vi bị cấm đối với cơ quan nhà nước**

Trên cơ sở kế thừa quy định của Luật năm 2004, Luật cạnh tranh tiếp tục quy định đồng thời có sửa đổi và bổ sung hành vi bị cấm đối với cơ quan nhà nước, theo đó, cơ quan nhà nước bị nghiêm cấm thực hiện một số các hành vi gây cản trở cạnh tranh trên thị trường. Quy định này là hết sức cần thiết bởi với quyền lực nhà nước được trao, cơ quan nhà nước có khả năng lạm dụng quyền lực để thực hiện các hành vi gây cản trở cạnh tranh trên thị trường. Cơ quan nhà nước là một chủ thể đặc thù của Luật cạnh tranh nên có quy định riêng để điều chỉnh.

## **2.2.4 Hoàn thiện quy định kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh và bổ sung quy định về chính sách khoan hồng nhằm tăng cường hiệu quả thực thi**

Quy định kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh được sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện theo hướng mở rộng và thay đổi cách quy định cấm đối với hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh. Thay vì quy định cấm dựa trên mức thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia thỏa thuận như trong Luật năm 2004, Luật quy định các tiêu chí đánh giá tác động hoặc khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể làm cơ sở quy định cấm đối với một số hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, bao gồm cả thỏa thuận hạn chế cạnh tranh theo chiều dọc, ngoài những thỏa thuận hạn chế cạnh tranh có tính chất nghiêm trọng bị cấm theo nguyên tắc vi phạm mặc nhiên. Quy định của Luật cho phép kiểm soát mọi hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, cả theo chiều ngang và theo chiều dọc, gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường. Ngoài ra, Luật bổ sung quy định về chương trình khoan hồng được sử dụng như một công cụ của cơ quan cạnh tranh nhằm tăng cường khả năng phát hiện, điều tra các hành vi thoả thuận hạn chế cạnh tranh hiện đang có xu hướng ngầm hoá.

## **2.2.5 Bổ sung tiêu chí xác định sức mạnh thị trường đáng kể làm cơ sở xác định doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền**

Để tránh việc xác định vị trí thống lĩnh thị trường của doanh nghiệp phụ thuộc vào tiêu chí thị phần như hiện hành, Luật cạnh tranh xây dựng hệ thống tiêu chí xác định sức mạnh thị trường đáng kể một cách đầy đủ, phù hợp hơn, quy định bổ sung thêm các yếu tố khác ngoài yếu tố thị phần để xác định doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp được coi là có vị trí thống lĩnh thị trường. Điều này là phù hợp đảm bảo xác định chính xác sức mạnh thị trường của doanh nghiệp và phản ánh đúng thực tiễn cạnh tranh trên thị trường. Ngoài ra, các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền bị cấm được sửa đổi để phản ánh rõ bản chất hành vi thông qua việc nhấn mạnh yếu tố hậu quả và tác động của hành vi, giúp phản ánh bản chất phản cạnh tranh của hành vi, khắc phục hạn chế của quy định hiện hành là chỉ mới mô tả hình thức biểu hiện bên ngoài mà không nhắm vào bản chất hành vi, gây khó khăn cho quá trình thực thi pháp luật.

## **2.2.6 Thay đổi cách tiếp cận để hoàn thiện quy định kiểm soát tập trung kinh tế**

Cách tiếp cận trong kiểm soát tập trung kinh tế trong Luật cạnh tranh có sự thay đổi căn bản, theo đó tập trung kinh tế được coi là quyền của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh gắn với quyền tự do kinh doanh. Luật cạnh tranh không quy định cấm tập trung kinh tế một cách cứng nhắc dựa trên mức thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế chiếm trên 50% trên thị trường liên quan như trong Luật năm 2004 mà thay vào đó chỉ quy định cấm doanh nghiệp thực hiện tập trung kinh tế gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường. Doanh nghiệp được tiến hành tập trung kinh tế nếu việc tập trung kinh tế không gây tác động tiêu cực đến cạnh tranh trên thị trường.

Với quy định như vậy, Luật đã thể hiện được quan điểm tiến bộ là luôn tôn trọng và cho phép doanh nghiệp được quyền thông qua hoạt động tập trung kinh tế để phát triển kinh doanh và phát triển doanh nghiệp. Nhà nước thực hiện quyền kiểm soát bằng pháp luật để đảm bảo việc tập trung kinh tế không gây tác động tiêu cực tới môi trường cạnh tranh và chỉ can thiệp trong trường hợp việc tập trung kinh tế có tiềm ẩn nguy cơ gây tổn hại cho môi trường cạnh tranh. Luật cạnh tranh quy định trao quyền cho cơ quan cạnh tranh trong việc đánh giá tác động cạnh tranh của việc tập trung kinh tế và tăng cường sự chủ động của doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục thông báo với cơ quan cạnh tranh và mở rộng các yếu tố đánh giá một vụ việc tập trung kinh tế. Cụ thể:

- Luật cạnh tranh quy định các tiêu chí để doanh nghiệp có thể tự xác định giao dịch có thuộc trường hợp phải thông báo hay không, bao gồm: tổng tài sản, tổng goanh thu, giá trị giao dịch tập trung kinh tế trên thị trường Việt Nam hoặc thị phần kết hợp trên thị trường liên quan của doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế.

- Luật cạnh tranh quy định thẩm quyền cho Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trong việc gia thẩm định tập trung kinh tế.

Thông qua việc thay đổi ngưỡng thông báo tập trung kinh tế và thay đổi tiêu chí đánh giá, thẩm định tập trung kinh tế, Luật cạnh tranh đã mở rộng phạm vi kiểm soát bao gồm cả những giao dịch tập trung kinh tế theo chiều dọc và hỗn hợp thay vì chỉ kiểm soát các giao dịch theo chiều ngang như trước đây.

## **2.2.7. Hoàn thiện các quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh**

Luật cạnh tranh đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Thứ nhất, đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh đã có quy định của pháp luật chuyên ngành khác như hành vi chỉ dẫn gây nhầm lẫn; quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh; khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh được quy định trong Luật sở hữu trí tuệ, Luật quảng cáo…, quy định theo hướng dẫn chiếu đến quy định của pháp luật khác để tránh chồng chéo, xung đột trong thực thi. Thứ hai, bãi bỏ quy định về hành vi “bán hàng đa cấp bất chính” và hành vi “phân biệt đối xử của hiệp hội”, do những hành vi này không phản ánh đúng bản chất của hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Thứ ba, bổ sung thêm hành vi “lôi kéo khách hàng bất chính” có bản chất phù hợp với khái niệm về hành vi cạnh tranh không lành mạnh quy.

Việc sửa đổi, bổ sung các quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh giúp điều chỉnh các hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo đúng bản chất, tránh chồng chéo, mâu thuẫn với các văn bản quy phạm pháp luật khác, tránh tạo lỗ hổng pháp lý đối với những hành vi còn chưa được điều chỉnh bởi bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào. Ngoài ra, Luật quy định trường hợp luật khác có quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác với quy định của Luật cạnh tranh thì áp dụng quy định của luật đó.

**2.2.8. Tổ chức lại cơ quan cạnh tranh để tăng cường hiệu quả thực thi**

Luật cạnh tranh quy định thành lập Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trên quan điểm tổ chức lại các cơ quan cạnh tranh theo Luật năm 2004 bao gồm Cơ quan quản lý cạnh tranh (hiện nay là Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng) và Hội đồng Cạnh tranh (bao gồm cả bộ phận giúp việc là Văn phòng Hội đồng Cạnh tranh). Đây là điểm mới quan trọng nhằm tăng cường hiệu quả thực thi của cơ quan cạnh tranh. Mô hình Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia phù hợp với xu hướng chung của thế giới đồng thời giúp thu giảm đầu mối, tinh gọn bộ máy, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả phù hợp với bối cảnh kinh tế và các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

Luật Cạnh tranh quy định cụ thể mô hình, chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia nhằm bảo đảm vị thế và tính độc lập của cơ quan này trong tiến hành tố tụng cạnh tranh qua đó tăng cường hiệu quả hoạt động của cơ quan này. Trong tố tụng cạnh tranh, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia là cơ quan tiến hành thông suốt các hoạt động tố tụng từ phát hiện, điều tra đến xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh và giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

## **2.2.8. Hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục trong tố tụng cạnh tranh**

Các quy định về trình tự, thủ tục trong tố tụng cạnh tranh trong Luật đã được hoàn thiện theo hướng đơn giản hơn, rút ngắn thời gian và có sự phân định rõ các khâu trong quá trình giải quyết vụ việc cạnh tranh, từ phát hiện, điều tra cho đến xử lý và giải quyết khiếu nại. Trong mỗi khâu sẽ gắn với trách nhiệm cụ thể của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng cạnh tranh. Đồng thời, Luật quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Điều này bảo đảm các hoạt động tố tụng cạnh tranh được rõ ràng, minh bạch để mọi cá nhân, tổ chức, các doanh nghiệp và toàn xã hội có thể theo dõi, giám sát.

# 2.3. Dự báo tác động chính sách

## **2.3.1. Tác động đến kinh tế - xã hội**

Chính sách cạnh tranh là một trong ba trụ cột chính sách về kinh tế gồm chính sách cạnh tranh, chính sách công nghiệp (hay còn gọi là chính sách ngành) và chính sách thương mại. Các chính sách này nhằm đảm bảo tính hiệu quả của nền kinh tế; đồng thời cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các yếu tố kinh tế - chính trị - xã hội như biến động kinh tế quốc gia, biến động kinh tế thế giới, xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, thương mại quốc tế... Như vậy, rõ ràng từ việc khắc phục những vướng mắc trong các quy định của Luật hiện hành, dựa trên những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của nước ta trong thời gian tới, Luật cạnh tranh mới được thông qua sẽ góp phần tạo ra những chuyển biến tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam trong tương lai.

Theo đó, những quy định mới trong Luật cạnh tranh sẽ góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo hành lang pháp lý ổn định, trên nguyên tắc đảm bảo cạnh tranh minh bạch, bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, góp phần thực hiện mục tiêu bảo vệ người tiêu dùng. Luật cạnh tranh sẽ gắn kết chặt chẽ hơn với pháp luật bảo vệ người tiêu dùng, phát huy tối đa tác động tích cực đến phúc lợi của người tiêu dùng. Mục tiêu cốt lõi của chính sách và luật cạnh tranh hiệu quả đó là đạt được mục tiêu tăng phúc lợi xã hội, đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững, hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ trong thập kỷ tới; góp phần tiếp tục thực hiện chủ trương đổi mới của Đảng và Chính phủ, xây dựng nền kinh tế thị trường trên nền tảng cạnh tranh tự do và bình đẳng cho các chủ thể hoạt động trên thị trường.

Việc ban hành Luật cạnh tranh sẽ góp phần nâng cao nhận thức và ý thức của cộng đồng xã hội về vai trò và tầm quan trọng của cạnh tranh, giúp định hình văn hóa cạnh tranh trong kinh doanh và giúp điều chỉnh hành vi ứng xử cho phù hợp không chỉ đối với cộng đồng doanh nghiệp mà cả đối với các cơ quan quản lý nhà nước và toàn thể cộng đồng xã hội (đối với mọi tổ chức, cá nhân khác trong xã hội); góp phần cải cách mở cửa thị trường và dỡ bỏ các quy định hạn chế cạnh tranh, qua đó cải thiện đáng kể về năng suất, cạnh tranh lành mạnh trên thị trường trong nước cũng góp phần làm tăng xuất khẩu (cạnh tranh kém có thể gây tổn hại nhiều hơn cho người nghèo so với người giàu).

Mặt khác, Luật cạnh tranh cũng sẽ góp phần xây dựng một chính sách cạnh tranh minh bạch, ổn định và thống nhất, là cơ sở cho việc xây dựng, mở rộng và đẩy mạnh các quan hệ hợp tác thương mại song phương và đa phương với nhiều quốc gia trên thế giới, phù hợp với thông lệ quốc tế và các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết; đảm bảo việc thực thi có hiệu quả các nội dung cạnh tranh trong các Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương mà Việt Nam tham gia.

Việc Luật cạnh tranh có bổ sung thêm một số quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng, chính sách khoan hồng, điều chỉnh cách tiếp cận về tập trung kinh tế, thỏa thuận hạn chế cạnh tranh và điều chỉnh mô hình cơ quan cạnh tranh đảm bảo phù hợp với Hiến pháp, đồng bộ với hệ thống pháp luật và các luật công, luật chung mới được Quốc hội thông qua (Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp…).

## **2.3.2. Tác động tới môi trường kinh doanh**

Việc ban hành Luật cạnh tranh sẽ góp phần giảm thiểu các rào cản chính đối với cạnh tranh (kỹ thuật, tài chính và pháp lý), qua đó góp phần giảm thiểu các hình thức và hành vi hạn chế cạnh tranh trong cả khu vực tư nhân và khu vực công, tạo cơ hội thúc đẩy sáng tạo, đổi mới và tăng trưởng, đồng thời tạo sự ổn định và công bằng cho môi trường kinh doanh và môi trường đầu tư.

Luật cạnh tranh sẽ bảo đảm một sân chơi bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân trong nước hay nước ngoài, tạo sự nhất quán trong việc áp dụng các quy định đối với mọi thành phần kinh tế; tăng cường nền tảng kinh tế vi mô bao gồm các thể chế vận hành tốt để bảo đảm thực thi cạnh tranh tự do và công bằng, bảo vệ các yếu tố duy trì khả năng cạnh tranh của các chủ thể trên thị trường. Đảm bảo môi trường cạnh tranh hữu hiệu, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế (các doanh nghiệp có thể dễ dàng gia nhập thị trường ); góp phần hoàn thiện khung chính sách cạnh tranh toàn diện nhằm mở cửa thị trường cho doanh nghiệp gia nhập và cạnh tranh, hiệu lực thực thi chính sách cạnh tranh được tăng cường, qua đó nâng cao tính ổn định của môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư, góp phần cho nền kinh tế tăng trưởng bền vững.

Quy định mới của Luật cạnh tranh góp phần hình thành khuôn khổ pháp lý mẫu mực điều chỉnh hành vi của mọi đối tượng liên quan, tất cả các doanh nghiệp, các cá nhân và tổ chức trong xã hội; góp phần duy trì và đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng và lành mạnh, là một phần không thể thiếu và đóng vai trò tiên quyết trong việc nâng cao hơn nữa tính ổn định và bền vững của môi trường kinh doanh, vận hành theo các quy luật thị trường và đảm bảo các nguyên tắc không phân biệt đối xử, công khai, minh bạch và ổn định.

Luật cạnh tranh cũng sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật cạnh tranh với các pháp luật chuyên ngành một cách tương thích, đồng bộ nhằm đảm bảo sự hài hòa giữa mục tiêu phát triển ngành và mục tiêu tạo lập, duy trì và thúc đẩy môi trường cạnh tranh hiệu quả, qua đó góp phần hỗ trợ cho quá trình tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, cải thiện môi trường kinh doanh và thực thi pháp luật công bằng trong mọi lĩnh vực của nền kinh tế.

Luật cạnh tranh góp phần hoàn thiện vai trò và vị trí của cơ quan cạnh tranh trong xã hội để có vị thế đủ mạnh, có thẩm quyền pháp lý và có thể chủ động giải quyết được một loạt các vấn đề cạnh tranh nóng bỏng trên thị trường trong một số lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế như viễn thông, thực phẩm, gas, điện, hàng không… qua đó thể hiện được vai trò quản lý nhà nước trong việc đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh. Ngoài ra, Luật cạnh tranh cũng sẽ góp phần tăng cường hiệu quả thực thi để theo kịp tốc độ phát triển của nền kinh tế thế giới với tốc độ toàn cầu hóa nhanh chóng, trong đó có trách nhiệm và nghĩa vụ của Việt Nam, đảm bảo sự tương thích giữa luật pháp quốc gia với những tiêu chuẩn, luật lệ quốc tế hướng tới việc đảm bảo một thị trường mở và tự do cạnh tranh.

## **2.3.3. Tác động đến người dân**

Người dân (người tiêu dùng) sẽ được hưởng lợi trong tiêu dùng, có cơ hội để lựa chọn sản phẩm, dịch vụ với chất lượng tốt và giá cả phù hợp (mức giá cạnh tranh) do thị trường cạnh tranh mang lại. Đồng thời, người dân cũng có cơ hội để phản ánh, cung cấp thông tin và khiếu nại về các vụ việc cạnh tranh gây tác động bất lợi đến thị trường và qua đó tác động trực tiếp đến quyền lợi người tiêu dùng.

Luật Cạnh tranh sẽ góp phần nâng cao hiệu quả nền kinh tế, giúp phúc lợi xã hội gia tăng, đảm bảo sự ổn định cuộc sống cho người dân. Mặt khác, nâng cao hiệu quả thực thi Luật Cạnh tranh cũng giúp người dân tiết kiệm chi phí, đem lại lợi ích kinh tế trực tiếp cho người dân.

## **2.3.4. Tác động tới doanh nghiệp**

Luật cạnh tranh sẽ giúp tăng cường sự minh bạch và ổn định của môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư cho các doanh nghiệp, các chủ thể hoạt động trên thị trường. Doanh nghiệp có thể chủ động điều chỉnh các hành vi phản cạnh tranh, sẽ giảm thiểu sự vi phạm pháp luật cạnh tranh, qua đó không phát sinh chi phí bị phạt do thực hiện các hành vi phản cạnh tranh, tiết kiệm được chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặt khác, việc vi phạm Luật cạnh tranh cũng sẽ làm doanh nghiệp bị hao tổn về thời gian và nguồn lực phục vụ công tác điều tra và xử lý, qua đó gia tăng chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (đây là chi phí vô hình, khó lượng hóa chính xác). Do đó, để tránh những chi phí phát sinh như vậy, doanh nghiệp sẽ tự nâng cao nhận thức về việc tuân thủ pháp luật cạnh tranh, góp phần xây dựng văn hóa cạnh tranh cho cộng đồng doanh nghiệp.